TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST Ngày 20-01-2020 V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mầm

2. Ông Hoàng Viết Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường Xuân - chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 879/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2019 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Bà Phan Thị Thu L – Sinh năm 1984 - vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường L1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Phạm Quốc M – Sinh năm 1976 - vắng mặt

Địa chỉ: đường Y, thành phố B tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Bà Phan Thị Thu L và ông Phạm Quốc M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/12/2006. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng từ năm 2014 cho đến nay. Nguyên nhân do lối sống không hợp, quan điểm bất đồng, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ; mỗi khi có hơi men là ông M lại về chửi bới bà L bằng những lời lẽ thô tục. Năm 2014 bà L đã làm đơn ra Toà án xin ly hôn ông M, lúc đó ông M hứa sửa chữa, Tòa án hòa giải nhiều lần nên bà L đã rút đơn về. Nhưng từ đó đến nay ông M không sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng. Nay bà L xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông M.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông M có con chung là cháu Phạm Quốc H – Sinh ngày 14/02/2008. Khi ly hôn, bà L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông M Cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà L làm quản lý cho cửa hàng tiện lợi của bệnh viện Thiện Hạnh, thu nhập trung bình 18.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ: Không có.

Qúa trình tham gia tố tụng, Bị đơn ông Phạm Quốc M trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung giữa ông Phạm Quốc M và bà Phan Thị Thu L như bà L trình bày trên là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ có vài lần ông M đi nhậu với bạn về, lúc đó say nên có la mắng bà L, ngoài ra giữa vợ chồng không có cãi vã hay bất đồng gì. Nay ông M xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông M có con chung là cháu Phạm Quốc H– Sinh ngày 14/02/2008.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Công nợ: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu L. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu L được ly hôn với ông Phạm Quốc M.

Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc Hiệp – Sinh ngày 14/02/2008 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Phan Thị Thu L và ông Phạm Quốc M tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 02/12/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảovệ.

Quá trình duy trì hôn nhân bà L– ông M sống hạnh phúc đến năm 2014 thì mâu thuẫn phát sinh; Nguyên nhân do lối sống không hợp, quan điểm bất đồng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên không có sự cảm thông, chia sẻ. Năm 2014 bà L đã làm đơn ra tòa xin ly hôn ông M, được tòa hòa giải cũng như ông M hứa sửa chữa nên bà L đã rút đơn về, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được là do ông M không sửa chữa khuyết điểm của mình mà mỗi khi có hơi men lại chửi bới bà L; Như vậy chứng tỏ ông M không có sự tôn trọng bà L, từ đó vợ chồng mất dần tình cảm. Ông M xác định tình cảm, tình thương yêu vợ chồng vẫn còn, và không có mâu thuẫn là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà L – ông M đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông M của bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà L – ông M có 01 con chung là cháu Phạm Quốc H – Sinh ngày 14/02/2008. Bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu H cũng xin được ở với bà L và bà L có thu nhập khá, nên chấp nhận yêu cầu của bà L là giao cháu H cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Bà L và ông M đều không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ: Không có.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Thu L và ông Phạm Quốc M.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Phạm Quốc H– Sinh ngày 14/02/2008 cho bà Phan Thị Thu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

Ông Phạm Quốc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không có công nợ.

4.***Về án phí***: Bà Phan Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Phan Thị Thu L đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự Thành phố B theo biên lại thu tiền số: 0005385 ngày 04/12/2019.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND p. T, Tp.BMT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Dư